



Số: 52 / ĐK-BQL

## LÝ LỊCH DI TÍCH

I/ Tên gọi: - Tên thường gọi: Chùa Ngũ Bang, Chùa Bà  
- Tên chữ: Trung Hoa Hội quán - Dương Thương Hội quán.

II/ Địa điểm phân bố di tích, đường đi đến:

- Toạ lạc trên khuôn viên rộng, phía Nam là đường Trần Phú nằm ngang và đường Hoàng Văn Thụ chạy dọc thẳng ra bờ sông Bạch Đằng. Phía Bắc giáp đường Phan Chu Trinh, Đông và Tây giáp khu dân cư.

- Di tích nằm ngay trung tâm thị xã Hội An, số 64 đường Trần Phú, Khối 1 phường Minh An. Trước giải phóng mang số 194 đường Cường Để.

- Từ bến xe Hội An theo đường Huỳnh Thúc Kháng đến đường Nguyễn Thị Minh Khai qua chùa Cầu, nối tiếp là đường Trần Phú chừng 1500m đến ngã ba Trần Phú - Hoàng Văn Thụ là thấy di tích.

- Có thể đến di tích bằng các loại phương tiện: đi bộ, đi ô tô, xe gắn máy...

III/ Sự kiện, nhân vật, lịch sử và thuộc tính của di tích:

- Căn cứ nhiều tư liệu hiện lưu trữ tại Ban QLDT Hội An những tài liệu của các nhà nghiên cứu lịch sử và các văn bia còn lại trong di tích có thể xác định chùa được xây dựng muộn nhất vào năm 1741.

- Trong bia ký “Dương Thương Hội quán công nghị điều lệ” lập năm 1744 có ghi lại sự kiện xây dựng Dương Thương Hội quán cho ta thấy đây là nơi các thương nhân người Hoa (Triều Châu, Phúc Kiến, Gia ứng, Quảng Đông, Hải Nam) sinh hoạt giúp đỡ lẫn nhau trong kinh doanh buôn bán khi ở thương cảng Hội An.

- Hội quán đã trùng tu hai lần: lần thứ nhất năm 1855, tu sửa lại cổng tam quan, cửa và tiền sảnh, lúc này chùa đổi tên là “Trung Hoa Hội quán”, lần thứ hai vào năm 1928 hiện vẫn còn bia. Mặc dù qua nhiều lần trùng tu, một số vật liệu lấy từ Trung Quốc sang nhưng vẫn giữ được các kết cấu kiến trúc đặc sắc, cảnh quan, bố trí như xưa mang đậm nét dấu ấn của thời kỳ hoạt động thương nghiệp phồn vinh trước đây.

- Dương Thương Hội quán thờ bà Thiên Hậu Thánh Mẫu, vị thần có xuất xứ từ Trung Quốc. Sở dĩ họ thờ vị thần này là vì vào thời thương cảng Hội An phát triển phồn thịnh, người Hoa từ Trung Quốc sang đây buôn bán chủ yếu bằng đường biển hay bị gặp nạn trên đường đi. Theo truyền thuyết dân gian, bà Thiên Hậu Thánh Mẫu được coi là vị thần hộ mệnh và bảo trợ tàu thuyền người Hoa trên biển. Bên cạnh bà còn có hai ông Thuận Phong Nhĩ và Thiên Lý Nhân, đây là hai vị Hộ pháp có nhiệm vụ “nghe xa” và “trông xa vạn dặm”, phát hiện những chiếc thuyền bị nạn báo cho bà biết để

bà đến cứu. Những vị thần này được nhân dân người Hoa tín ngưỡng, nhất là những người buôn bán đi lại bằng tàu thuyền.

IV/ Loại di tích: Hội quán

V/ Khảo tả di tích:

- Hội quán Ngũ Bang được kiến trúc theo kiểu chữ Quốc ( ) mặt quay về hướng Tây Nam. Vật liệu chủ yếu là đá lát (nền, sân) ciment, vôi (tường), các cây cột, vì kèo bằng gỗ kích thước từ 40 - 60 cm đều đứng trên tầng đá bằng đá Non Nước, ở mỗi đầu ngói ống được tráng men màu xanh có trang trí bông hoa cúc giống như ngói của cung đình Nguyễn ở Huế, các đầu hồi, mái nóc được xây cao, kẻ chỉ, có chạm nổi trang trí theo hình lá đề cách điệu, hoa dây, nghệ, rồng, tả hữu tiền sảnh có công phụ, mái lợp ngói ống.

- Từ ngoài đường nhìn vào ta thấy chùa có nền cao 1m, có những bậc cấp đi lên. Tường xây, công rào bằng sắt, phía trong tiền đình các cột kèo làm bằng gỗ được kiến trúc theo kiểu “chồng rường giả thủ” giống như hình con tiện vuông, thay vì các rường chính được lắp ghép các mảng chạm khắc theo mô típ: bức bình phong, hoa là, con nghệ; giữa các giả thủ là các bức cốn có chạm. Các đầu dư hình mây cuộn.

Nội thất của tiền điện gồm có 3 gian, gian giữa có 1 chính lớn, trên mí cửa có chạm hình hai con sư tử nằm thay cho mặt cửa, hai cánh cửa gỗ lớn chạm “tứ bình” và chạm thủng thành những lá thị nối tiếp nhau. Gian giữa rộng 5,5m; 2 gian hai bên rộng khoảng 2,5m. Ở nếp này gồm 13 cây cột tạo thành. Ở hai bên đầu hồi (sát tường) có 5 cây cột hình vuông bằng gỗ đứng trên tầng đá tròn chạm hình giống quả bí bằng đá Non Nước. Vì kèo làm theo kiểu chồng rường giả thủ hình vuông không trang trí hoa văn. Ở gian giữa gồm 4 cây cột tròn bằng gỗ có kích thước 50 - 60cm; cao 6,5m đứng trên tầng đá chạm hình quả bí. Vì kèo của gian này cũng làm theo kiểu chồng rường giả thủ nhưng được chạm tỉ mỉ và công phu hơn, các giả thủ được khắc cạnh dài ôm phần rường tạo dáng trái Phật thủ, cạnh các rường lớn còn gắn các mảng chạm khắc theo mô típ bức bình phong, hoa lá, bát bửu; các tai cột khắc đầu rồng làm cho ta khó phân biệt đâu là phần trang trí, đâu là kết cấu chính của kiến trúc. Ngoài ra, còn có bốn cây cột vuông (2 bằng gỗ, 2 bằng đá) được đứng trên tầng đá tròn và vuông cũng được trang trí như vậy. Các tai cột chạm hình con dơi. Bên tường nhà Đông còn có 2 tấm bia ghi năm trùng tu chùa.

- Tiếp đến là khoảng sân giữa rất rộng, sân chừng 25m. Ở đây có một cái đình rất lớn bằng sắt, ba chân chạm đầu rồng. Chạy dọc theo chiều sâu của sân vào trong chùa và nhà Đông, nhà Tây, song song với chính điện, gần sát chính điện được xây tường cắt ngang tạo thành hai ngôi nhà và có công vào. Các ngôi nhà này đều được lót planfon nên không nhìn thấy được kết cấu của nhà, chỉ thấy các cột vuông đứng trên tầng đá vuông. Ở hai hàng hiên của hai nhà Đông, Tây, phía trước làm bằng sắt có chạm trở tinh xảo và tân kỳ, còn

hai ngôi nhà nối nhau ở phía sau các đầu dư của kèo đều được chạm hình đuôi cá.

- Kết hợp với tả vu và hữu vu, ở giữa là chính điện. Phần chính điện làm một gian nhà lồi ra gọi là “phương đình” có diện tích 36m<sup>2</sup>, gồm 8 cây cột vuông (2 bằng đá, 6 bằng gỗ) đứng trên tảng đá tròn có đế. Kiến trúc của phần này giống như nội thất của tiền điện và trang trí theo mô típ: hoa lá, bát bửu, hoa dây; các tai cột khắc chim phượng, rồng cách điệu. Đặc biệt, diềm hiên của phương đình chạm 1 mảng hoa dây bao quanh cả phần hiên trước.

- Nối tiếp phương đình là chính điện có chiều dài 9m, chia 3 gian được ngăn bởi 1 hệ thống cửa bằng khung kính, gồm 24 cây cột tạo thành hai gian hai bên có chiều rộng 2.7, gian giữa rộng 4,9m. Kiến trúc bộ vì của chính điện cũng làm theo kiểu chông rường giả thủ nhưng đặc biệt hơn có các tay ngai vươn dài ra đỡ các đòn tay, để giả thủ. Các rường chạm hình quả đào, quả Phật thủ, quạt. Ở đây phần kết cấu cột kèo chú trọng về công năng hơn nên ít chạm trổ, xà nóc được vẽ rồng, chính giữa là bát quái.

- Hệ thống thờ tự giống như hội quán Phước Kiến, ngoài cùng của điện là hai tượng bằng hợp chất (đất sét, vôi sứ, giấy): Thuận Phong Nhĩ bên hữu, và Thiên Lý Nhân bên tả. Chính giữa là một long môn đồ sộ chạm trổ công phu theo hình cổng tam quan, theo đề tài: cảnh vật, chim muông, thú vật, hoa quả, tứ bình, rồng, phượng, lân nghê, mặt trời, cảnh sinh hoạt của vua chúa theo kiểu chạm lõng, chạm thủng trông rất uy nghiêm và tráng lệ được sơn son thếp vàng. Đây là một tuyệt phẩm về nghệ thuật chạm trổ trên gỗ của kiến trúc cổ mỹ thuật ở Hội An. Giữa hương án thờ bà Thiên Hậu Thánh Mẫu, hai bên là 2 hương án và 5 bệ thờ khác cũng thờ bà Thiên Hậu Thánh Mẫu và các vị thần khác. Trong điện thờ còn có 1 chiếc thuyền buồm bằng gỗ, hai bên tường trước chính điện có 2 tấm bia.

- Qua khu chính điện tới sân sau, trên tường (mảng sau lưng) của chính điện có nghi giống như 1 trang viết bằng chữ Hán. Tiếp đến là 1 khoảng sân rộng chừng 60 x 40m. Có lẽ trước đây là khoảng đất trống làm vườn của chùa nhưng nay đã được tô láng bằng ciment và xây dựng 1 số cơ sở như kho, nơi sản xuất của HTX mảnh trúc Minh An.

#### VI/ Các hiện vật trong di tích:

- Tượng bà Thiên Hậu Thánh Mẫu bằng hợp chất (đất sét, vôi, giấy, sơn..) sơn son thếp vàng cao 2,5m, rộng 1,5m.

- Hai tượng bà hầu cầm quạt bằng hợp chất (đất sét, vôi,...) sơn son thếp vàng cao 1,35m, rộng nhất 40cm.

- Hai tượng bà dâng vôi vào hộp cũng bằng hợp chất, sơn son thếp vàng cao 1,35m rộng nhất 60cm.

- Tượng bà Thiên Hậu Thánh Mẫu ngồi trong lồng kính bằng hợp chất sơn son thếp vàng, ngai chạm hình rồng bằng gỗ có niên đại khoảng cuối thế kỷ 18 có kích thước cao (tính cả ngai) 95cm, rộng 50cm.

- Tượng Quan Âm ngồi toà sen bằng đồng, đế hoa bằng gỗ, cao toàn bộ 83cm, rộng nhất 29cm.

- Một lư hương sứ hình hộp: men trắng vẽ rồng lam xanh, cao 22cm, đường kính 27cm.

- Một bộ tam sự bằng chì gồm 2 đèn, 1 bồn hương được làm kiểu con tiện vuông.

+ A/2 đèn cao tính cả tim 83cm, rộng nhất 18,5cm.

+ Bồn hương cao (tính cả 2 tay) 77,5cm, rộng 30cm

- Một mõ hình bát bằng đồng cao 11,5cm, đường kính 15cm

- Một chuông bằng đồng hình bầu đẹp, chạm rồng, cao (tính cả quai) 11,5cm, rộng 11cm, đường kính 6,5cm)

- Một bát hương sứ trắng vẽ rồng lam xanh cao 20,5cm, đường kính 28cm.

- Một bát hương sứ trắng vẽ rồng lam xanh cao 20,5cm, đường kính 24,5cm.

- Một bát hương sứ trắng vẽ rồng lam xanh cao 18cm, đường kính 23cm.

- Một bộ đèn hình vuông có đế bằng chì cao 72cm, rộng nhất 21,5cm.

- Một bộ tam sự bằng đồng, 2 đèn cao (tính cả tim) 55cm, rộng nhất 13,5cm.

- Bồn hương cao 57cm, rộng bụng 39cm, đế bồn hương cao 14,5cm, rộng 26cm.

- Tượng Thuận Phong Nhĩ bằng hợp chất (đất sét, vải, giấy...) cao 1,56m.

- Tượng Thiên Lý Nhân bằng hợp chất cao 1,56m

- Thuyền gỗ dài 2,95m, đường kính bụng 86,5cm, cao mũi 1m, cao thân 53cm, có niên đại Quang Tự thập tam niên Đinh Mùi ỷ xuân, cát đán.

- Chuông đồng có chữ “Tân Tự niên Thu nguyệt” và “Phụng chánh đại phu gia nhị cấp Lâm gia tông” cao 70,5cm, đường kính miệng 34,5cm, đường kính thân 28cm.

- 10 bức hoành bằng gỗ nền đỏ chữ vàng dài từ 2 đến 2,5m, rộng 60 - 80cm, niên đại Quang Tự.

- 3 bức hoành bằng gỗ nền đen chữ vàng, dài từ 2,5 - 3m, rộng 70 - 80cm, niên đại Quang Tự.

- 4 bức hoành bằng gỗ nền vàng chữ đen, dài 2,5m, rộng 60cm niên đại Quang Tự.

- 2 bộ câu đối bằng gỗ nền đen chữ vàng dài 2,46m, rộng 56,5cm, niên đại Quang Tự, trong đó có 1 bộ niên đại Gia Long bát niên.

- 2 bộ câu đối hình bầu, nền đen chữ vàng bằng gỗ dài 2,14m đường kính 36cm niên đại Quang Tự.

- Một đỉnh hương bằng sắt có 3 chân chạm đầu sư tử có đường kính 119cm, cao 86cm.

- Hai tấm bia ở tiền sảnh có kích thước 150cm x 85cm

- Hai tấm bia (Đông, Tây) ở chính điện

+ 1 bia ở nhà Đông: 135 x 70cm

+ 1 bia ở nhà Tây : 130 x 80cm

- Một khám thờ chính giữa, chạm lọng công phu theo hình công tam quan theo đề tài chim muông, hoa lá, phượng, rồng, nghê,... hai bên có hai câu đối ghi: “Ân đệ tử Hương Cảng Lợi Vinh công ty Quảng phủ, tam áp Đặng (?) (?) kính phụng” và “Quang Tự thập thất niên tuế thứ Tân Mão mạnh hạ cát nhật”.

#### VII/ Giá trị lịch sử, khoa học, nghệ thuật, văn hoá:

- Góp phần làm sáng tỏ về lịch sử hình thành và vai trò của các Hội quán trong lịch sử Hội An.

- Sự thành lập các Hội quán chung của cư dân người Hoa các bang có liên quan đến thời điểm hình thành quần thể kiến trúc ĐTC, minh chứng sự hoạt động ngoại thương phát đạt và phồn thịnh của thương cảng Hội An vào các thế kỷ trước.

- Mặc dù Dương Thương Hội quán đã qua các lần tu sửa nhưng nó vẫn giữ được cảnh quan, bố trí mặt bằng, trang trí nội thất làm phong phú thêm diện mạo nghệ thuật kiến trúc trong tổng thể kiến trúc của Đô thị.

- Qua các buổi sinh hoạt văn hoá diễn ra tại Hội quán cho chúng ta hiểu rõ hơn về phong tục tập quán, lễ hội của các thương nhân người Hoa.

#### VIII/ Trạng thái bảo quản di tích:

Trước đây Hội quán có nghi thức cúng chính vào ngày 23/3Âl và cũng được ban chủ sự các Ban bảo quản tốt và làm thành trường dạy học mang tên trường “Lễ Nghĩa”. Sau giải phóng năm 1975 chùa Ngũ Bang đã trở thành cơ sở sản xuất của HTX mảnh trúc Minh An. Vì thế di tích không có ai bảo quản và bị sử dụng sai mục đích như làm nhà kho, xây phòng tiếp khách, 2 nhà Đông Tây làm nơi sản xuất đã vô tình phá hỏng hiện trạng cũng như giá trị cổ xưa của chùa. Năm 1990 HTX mảnh trúc Minh An không tiếp tục sản xuất nữa và giao lại chùa cho Ban chủ sự bảo quản. Đến tháng 10/1991 chùa Ngũ Bang được trường học Hoa văn Lễ Nghĩa mượn làm nơi tổ chức học Hoa ngữ.

Hiện nay di tích vẫn còn tốt, tuy nhiên đây là hiện trạng còn lại của lần trùng tu năm 1928, vì các kết cấu tường, mái còn rất mới, tất nhiên những việc tu sửa này vẫn được dựa vào kết cấu cũ và không có người chuyên môn giám sát nên cũng có phần sai lệch, không đúng quy cách.

#### IX/ Các phương án bảo vệ, sử dụng di tích:

- Sau khi Bộ Văn hoá ra quyết định công nhận khu phố cổ Hội An vào ngày 19/3/1985, vì đây là một trong những hội quán còn giữ nguyên được những sản phẩm và tài năng tinh hoa, kỹ xảo về kỹ thuật chạm trổ về đồ gỗ, mỹ nghệ nên có kế hoạch kinh phí thường xuyên để trùng tu và bảo vệ, phát huy di tích này.

- Ban quản lý di tích Hội An đã có thông báo cho các chủ di tích về việc bảo vệ nguyên trạng, đồng thời đã triển khai pháp lệnh cho các phường, xã có liên quan đến di tích.

- Đề nghị tỉnh cũng như Bộ xếp hạng riêng di tích này để có cơ sở pháp lý bảo vệ di tích.

- Giao Hội quán lại cho Ban trị sự ngũ bang quản lý để có điều kiện trùng tu, bảo quản.

X/ Cơ sở pháp lý bảo vệ di tích:

- Di tích đã được đưa vào danh mục bảo vệ của ban QLDT từ năm 1985.
- Di tích nằm trong khu vực I bảo vệ nguyên trạng của khu phố cổ Hội An đã được Bộ Văn hoá xếp hạng theo quyết định 506/VH-QĐ ngày 19/3/1985.

XI/ Những tư liệu bổ sung:

- Các tài liệu chữ Hán của Minh Hương Tam bảo vụ ghi niên đại thế kỷ 18 đã đề cập đến Hội quán này.
- Các bài nghiên cứu của ông Trần Kinh Hoà, Diệp Truyền Hoa, Minh Hương Tam Bảo vụ có những đoạn mô tả khá cụ thể về Dương Thương Hội quán.

*Hội An, ngày 20 tháng 4 năm 1992*

**BAN QUẢN LÝ DI TÍCH HỘI AN**

**Trưởng ban**

*Đã ký*

Nguyễn Văn Phi

**Người lập lý lịch**

*Đã ký*

Nguyễn Thị Nhung

**TM. UBND THỊ XÃ HỘI AN**

**Phó Chủ tịch**

*Đã ký*

Phạm Ngọc Giới

**SAO NGUYÊN BẢN CHÍNH**